TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 248/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 06/4/2020
V/v: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Tiên

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Rỹ.
2. Bà Nguyễn Thanh Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Ngô Thị Kim Sinh – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1242/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2019 về " Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị O, sinh năm 1973;

Địa chỉ thường trú: 119/132/23 Nguyễn Thị Tần, Phường 2, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Võ Thành T, sinh năm 1967;

Địa chỉ: 87 Nguyễn Duy, Phường 9, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/11/2019 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ nguyên đơn bà Trần Thị O trình bày:

Bà O và ông Võ Thành T tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn, không tổ chức lễ hỏi, tiệc cưới vì hai bên yêu thương nhau bị hai bên gia đình cấm cản. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, từ năm 2017 bà O và ông T đã phát sinh mâu thuẫn do ông T không quan tâm chăm sóc gia đình và không có trách nhiệm với gia đình. Giữa bà O và ông T không có tiếng nói chung, không hợp nhau về tính cách, bất đồng quan điểm sống. Dù hai bên đã cố gắng nhiều lần hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không thành. Nay nhận thấy tình cảm không còn nữa, không thể duy trì cuộc sống chung nên bà O giữ nguyên yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà O với ông Võ Thành T.

- Về nuôi con chung: Bà Trần Thị O xác định bà O và ông Võ Thành T có 05 (năm) con chung là Võ Thành Đ, sinh ngày 21/10/1993, Võ Thị Bích V, sinh ngày 14/11/1994, Võ Thị Bích D, sinh ngày 27/8/1996, Võ Thị Bích T1, sinh ngày 09/9/2002 và Võ Thành T2, sinh ngày 22/10/2005. Các con tên Võ Thành Đ, Võ Thị Bích V, Võ Thị Bích D đều thành niên, ngoài ra không còn con chung nào khác. Bà Trần Thị O Hai yêu cầu được nuôi hai con chung tên là Võ Thị Bích T1, sinh ngày 09/9/2002 và Võ Thành T2, sinh ngày 22/10/2005 không yêu cầu ông Võ Thành T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị O xác định bà O và ông Võ Thành T không có tài sản chung và không có khoản nợ chung nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 11/02/2020; Các biên bản hòa giải ngày 11/02/2020 và ngày 03/3/2020 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án bị đơn ông Võ Thành T trình bày: Ông Võ Thành T và bà Trần Thị O tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn, không tổ chức lễ hỏi, tiệc cưới vì hai bên yêu thương nhau bị hai bên gia đình cấm cản. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau về tính cách, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải vã nhau. Dù hai bên đã cố gắng nhiều lần hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không thành. Nay ông T nhận thấy tình cảm không còn nữa, không thể duy trì cuộc sống chung nên ông T cũng đồng ý yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông T và bà Trần Thị O.

- Về con chung: Bà Trần Thị O và ông Võ Thành T có 05 (năm) con chung là Võ Thành Đ, sinh ngày 21/10/1993, Võ Thị Bích V, sinh ngày 14/11/1994, Võ Thị Bích D, sinh ngày 27/8/1996, Võ Thị Bích T1, sinh ngày 09/9/2002 và Võ Thành T2, sinh ngày 22/10/2005. Các con tên Võ Thành Đ, Võ Thị Bích V, Võ Thị Bích D đều thành niên, ngoài ra không còn con chung nào khác. Hai bên thỏa thuận giao hai con chung tên là Võ Thị Bích T1, sinh ngày 09/9/2002 và Võ Thành

T2, sinh ngày 22/10/2005 cho bà Trần Thị O trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông Võ Thành T đến khi bà O có yêu cầu.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được quyền cản trở. Nhưng ông T không được lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về tài sản chung: Bà Trần Thị O và ông Võ Thành T xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Trần Thị O và ông Võ Thành T xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn bà Trần Thị O và bị đơn ông Võ Thành T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử theo quy định pháp luật tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 14, 15 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Trần Thị O và bị đơn ông Võ Thành T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt bà O và ông T.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn yêu cầu của bà Trần Thị O thì đây là vụ án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng, do bị đơn ông Võ Thành T hiện cư trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Xét thấy, bà Trần Thị O và ông Võ Thành T tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1990 không có đăng ký kết hôn và cho đến hôm nay cũng không đăng ký kết hôn nên căn cứ theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giữa bà Trần Thị O và ông Võ Thành T thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay bà O và ông T yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng, căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị O và ông Võ Thành T.

Về nuôi con chung: Bà Trần Thị O và ông Võ Thành T có 05 (năm) con chung là Võ Thành Đ, sinh ngày 21/10/1993, Võ Thị Bích V, sinh ngày 14/11/1994, Võ Thị Bích D, sinh ngày 27/8/1996, Võ Thị Bích T1, sinh ngày 09/9/2002 và Võ Thành T2, sinh ngày 22/10/2005. Các con tên Võ Thành Đ, Võ Thị Bích V, Võ Thị Bích D đều thành niên, ngoài ra không còn con chung nào khác. Bà Trần Thị O và ông Võ Thành T cùng thống nhất giao hai con chung tên là Võ Thị Bích T1, sinh ngày 09/9/2002 và Võ Thành T2, sinh ngày 22/10/2005 cho bà Trần Thị O trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông Võ Thành T đến khi bà O có yêu cầu.

Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con chung cho ai trực tiếp nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con trẻ, Võ Thị Bích T1, sinh ngày 09/9/2002 và Võ Thành T2, sinh ngày 22/10/2005 hiện đang sinh sống cùng bà Trần Thị O tại địa chỉ 119/132/23 Nguyễn Thị Tần, Phường 2, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Bản tự khai ngày 13/01/2020 của hai trẻ Võ Thị Bích T1 và Võ Thành T2 có nguyện vọng được sống với mẹ là Trần Thị O. Bà O yêu cầu được trực tiếp nuôi con, ông T đồng ý giao hai con chung cho bà Trần Thị O trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao con chung cho bà Trần Thị O trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Võ Thành T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai có quyền ngăn cản theo quy định tại các Điều 15, 81, 82 và Điều 83 theo quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà O không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được quyền cản trở. Nhưng ông T không được lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị O và ông Võ Thành T xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ để chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 21, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 14, Khoản 1 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 14, Điều 15, Điều 53, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị O và ông Võ Thành T.

- Về nuôi con chung: Giao hai con chung tên là Võ Thị Bích T1, sinh ngày 09/9/2002 và Võ Thành T2, sinh ngày 22/10/2005 cho bà Trần Thị O trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông Võ Thành T cho đến khi bà O có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của trẻ, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị O và ông Võ Thành T xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Trần Thị O phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số 0012585 ngày 16/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà O đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND.TPHCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Mỹ Tiên